PHÒNG GD & ĐT THANH TRÌ

TRƯỜNG THCS TỨ HIỆP

KỲ THI GIỮA KỲ 2 KHỐI 8 - PHÒNG THI SỐ 1

Môn thi: …… ***Ngày thi:*** ……

STT	Số Báo danh	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ mã đề	Chữ ký	Ghi chú
1	800001	8H	MẠC TRẦN BẢO	AN	25/03/2009	Nữ			
2	800002	8I	MAI AN	AN	06/08/2009	Nữ			
3	800003	8A	TRƯƠNG ĐỨC	AN	11/01/2009	Nam			
4	800004	8D	TRƯƠNG VIỆT	AN	14/09/2009	Nam			
5	800005	8I	ĐẶNG NGUYỄN NGỌC	ANH	17/07/2009	Nữ			
6	800006	8A	ĐẶNG TÚ	ANH	14/02/2009	Nữ			
7	800007	8B	ĐINH THỊ VÂN	ANH	09/09/2009	Nữ			
8	800008	8H	HOÀNG NHẬT	ANH	11/08/2009	Nam			
9	800009	8B	HOÀNG VŨ THÙY	ANH	10/09/2009	Nữ			
10	800010	8G	LÊ THỊ PHƯƠNG	ANH	02/09/2009	Nữ			
11	800011	8G	MAI HOÀNG	ANH	30/01/2009	Nam			
12	800012	8I	NGUYỄN BẢO	ANH	23/02/2009	Nữ			
13	800013	8I	NGUYỄN BẢO	ANH	01/06/2009	Nữ			
14	800014	8E	NGUYỄN ĐỨC	ANH	31/03/2009	Nam			
15	800015	8I	NGUYỄN DƯƠNG THÙY	ANH	05/04/2009	Nữ			
16	800016	8G	NGUYỄN DUY	ANH	23/12/2009	Nam			
17	800017	8I	NGUYỄN HÀ	ANH	19/06/2009	Nữ			
18	800018	8H	NGUYỄN HẢI	ANH	21/03/2009	Nữ			
19	800019	8C	NGUYỄN HOÀNG	ANH	11/05/2009	Nam			
20	800020	8C	NGUYỄN HOÀNG	ANH	06/06/2009	Nam			
21	800021	8H	NGUYỄN MINH DIỆU	ANH	30/12/2009	Nữ			
22	800022	8C	NGUYỄN NGỌC	ANH	14/08/2009	Nữ			
23	800023	8A	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	22/06/2009	Nữ			
24	800024	8D	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	20/06/2009	Nữ			

Số HS vắng mặt: .....Gồm SBD: .....

Tổng số bài thi: ..... Tổng số tờ : .....

Tứ Hiệp, ngày tháng năm 2023

Giám thị số 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị số 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG GD & ĐT THANH TRÌ

TRƯỜNG THCS TỨ HIỆP

KỲ THI GIỮA KỲ 2 KHỐI 8 - PHÒNG THI SỐ 2

Môn thi: …… ***Ngày thi:*** ……

STT	Số Báo danh	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ mã đề	Chữ ký	Ghi chú
1	800025	8I	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	28/03/2009	Nữ			
2	800026	8I	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	10/12/2009	Nữ			
3	800027	8H	NGUYỄN QUỐC	ANH	24/01/2009	Nam			
4	800028	8E	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG	ANH	20/11/2009	Nữ			
5	800029	8A	NGUYỄN TUẤN	ANH	28/08/2009	Nam			
6	800030	8B	PHẠM HÀ	ANH	18/11/2009	Nữ			
7	800031	8H	PHẠM NAM	ANH	06/10/2009	Nam			
8	800032	8G	PHẠM NGUYỄN DUY	ANH	04/10/2008	Nam			
9	800033	8C	PHẠM QUỐC	ANH	27/10/2009	Nam			
10	800034	8E	PHAN TÚ	ANH	09/09/2009	Nam			
11	800035	8I	QUÁN HỒNG	ANH	16/03/2009	Nữ			
12	800036	8E	TRẦN MINH	ANH	25/09/2009	Nữ			
13	800037	8A	TRẦN TUẤN	ANH	07/09/2009	Nam			
14	800038	8H	TRẦN TUẤN	ANH	03/10/2009	Nam			
15	800039	8A	TRỊNH PHƯƠNG	ANH	30/01/2009	Nữ			
16	800040	8C	TRỊNH PHƯƠNG	ANH	08/11/2009	Nữ			
17	800041	8D	TRƯƠNG MINH	ANH	05/07/2009	Nữ			
18	800042	8E	VŨ QUỲNH	ANH	23/12/2009	Nữ			
19	800043	8I	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	06/08/2009	Nữ			
20	800044	8A	NGÔ ANH XUÂN	BÁCH	30/04/2009	Nam			
21	800045	8A	ĐOÀN GIA	BẢO	16/11/2009	Nam			
22	800046	8D	NGUYỄN HOÀNG GIA	BẢO	02/05/2009	Nam			
23	800047	8I	TRẦN VŨ GIA	BẢO	19/06/2009	Nam			
24	800048	8I	TRƯƠNG CHÍ	BẢO	23/05/2009	Nam			

Số HS vắng mặt: .....Gồm SBD: .....

Tổng số bài thi: ..... Tổng số tờ : .....

Tứ Hiệp, ngày tháng năm 2023

Giám thị số 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị số 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG GD & ĐT THANH TRÌ

TRƯỜNG THCS TỨ HIỆP

KỲ THI GIỮA KỲ 2 KHỐI 8 - PHÒNG THI SỐ 3

Môn thi: …… ***Ngày thi:*** ……

STT	Số Báo danh	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ mã đề	Chữ ký	Ghi chú
1	800049	8C	TRƯƠNG GIA	BẢO	10/06/2009	Nam			
2	800050	8G	VŨ QUỐC	BẢO	28/09/2009	Nam			
3	800051	8G	NGUYỄN NGỌC	BÍCH	15/09/2009	Nữ			
4	800052	8C	LÊ ĐỨC	BÌNH	21/09/2009	Nam			
5	800053	8E	NGUYỄN ĐỨC	CAO	07/06/2009	Nam			
6	800054	8H	DƯƠNG MINH	CHÂU	10/04/2009	Nữ			
7	800055	8A	NGUYỄN HUYỀN	CHÂU	07/04/2009	Nữ			
8	800056	8G	NGUYỄN MINH	CHÂU	14/12/2009	Nữ			
9	800057	8H	NGUYỄN MINH	CHÂU	22/07/2009	Nam			
10	800058	8G	VŨ MINH	CHÂU	29/04/2009	Nam			
11	800059	8D	LÊ KHÁNH	CHI	21/12/2009	Nữ			
12	800060	8C	LỤC THỊ THÙY	CHINH	03/08/2009	Nữ			
13	800061	8I	NGUYỄN QUỐC	ĐẠI	07/11/2009	Nam			
14	800062	8E	TRẦN LINH	ĐAN	22/11/2009	Nữ			
15	800063	8I	TRẦN MINH	ĐĂNG	14/02/2009	Nam			
16	800064	8G	VŨ MINH	ĐĂNG	16/09/2009	Nam			
17	800065	8C	ĐỖ TUẤN	ĐẠT	28/08/2009	Nam			
18	800066	8B	LÊ VĂN	ĐẠT	14/10/2009	Nam			
19	800067	8E	NGUYỄN ĐÌNH KHOA	ĐIỀN	10/09/2009	Nam			
20	800068	8E	KHỔNG NGUYỄN TIẾN	ĐỨC	26/02/2009	Nam			
21	800069	8H	LÊ HUY	ĐỨC	13/08/2009	Nam			
22	800070	8E	LÊ MINH	ĐỨC	05/12/2008	Nam			
23	800071	8A	LÊ TRUNG	ĐỨC	01/06/2009	Nam			
24	800072	8A	NGUYỄN ANH	ĐỨC	21/12/2009	Nam			
25	800073	8C	NGUYỄN ANH	ĐỨC	11/08/2009	Nam			

Số HS vắng mặt: .....Gồm SBD: .....

Tổng số bài thi: ..... Tổng số tờ : .....

Tứ Hiệp, ngày tháng năm 2023

Giám thị số 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị số 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG GD & ĐT THANH TRÌ

TRƯỜNG THCS TỨ HIỆP

KỲ THI GIỮA KỲ 2 KHỐI 8 - PHÒNG THI SỐ 4

Môn thi: …… ***Ngày thi:*** ……

STT	Số Báo danh	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ mã đề	Chữ ký	Ghi chú
1	800074	8I	NGUYỄN ANH	ĐỨC	01/01/2009	Nam			
2	800075	8D	NGUYỄN CHÍ	ĐỨC	30/08/2009	Nam			
3	800076	8I	NGUYỄN ĐÌNH ANH	ĐỨC	05/09/2009	Nam			
4	800077	8H	NGUYỄN THẾ	ĐỨC	02/07/2009	Nam			
5	800078	8G	TRƯƠNG ANH	ĐỨC	07/01/2009	Nam			
6	800079	8G	DƯƠNG MẠNH	DŨNG	02/03/2009	Nam			
7	800080	8A	LÊ TIẾN	DŨNG	25/10/2009	Nam			
8	800081	8G	NGUYỄN TẤN	DŨNG	06/06/2008	Nam			
9	800082	8B	NGUYỄN TRÍ	DŨNG	02/05/2009	Nam			
10	800083	8I	NGUYỄN TRUNG	DŨNG	02/03/2009	Nam			
11	800084	8D	NGUYỄN TUẤN	DŨNG	12/03/2009	Nam			
12	800085	8H	LÊ VŨ TUẤN	DƯƠNG	15/08/2009	Nam			
13	800086	8I	NGÔ HÀ	DƯƠNG	20/05/2009	Nữ			
14	800087	8A	PHẠM ĐĂNG	DƯƠNG	15/12/2009	Nam			
15	800088	8A	ĐẶNG TOÀN	DUY	22/09/2007	Nam			
16	800089	8H	NGUYỄN TIẾN	DUY	14/08/2009	Nam			
17	800090	8H	CAO KỲ	DUYÊN	20/09/2009	Nữ			
18	800091	8D	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	24/04/2009	Nữ			
19	800092	8D	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	11/11/2009	Nữ			
20	800093	8I	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	17/11/2009	Nam			
21	800094	8G	PHAN THỊ MINH	GIANG	08/05/2009	Nữ			
22	800095	8H	TRẦN TRÀ	GIANG	16/08/2009	Nữ			
23	800096	8C	TRƯƠNG THỊ HƯƠNG	GIANG	14/12/2009	Nữ			
24	800097	8G	NGÔ THANH	HÀ	13/02/2009	Nữ			
25	800098	8I	NGUYỄN NGÂN	HÀ	21/04/2009	Nữ			

Số HS vắng mặt: .....Gồm SBD: .....

Tổng số bài thi: ..... Tổng số tờ : .....

Tứ Hiệp, ngày tháng năm 2023

Giám thị số 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị số 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG GD & ĐT THANH TRÌ

TRƯỜNG THCS TỨ HIỆP

KỲ THI GIỮA KỲ 2 KHỐI 8 - PHÒNG THI SỐ 5

Môn thi: …… ***Ngày thi:*** ……

STT	Số Báo danh	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ mã đề	Chữ ký	Ghi chú
1	800099	8B	QUÁN THU HỒNG	HÀ	28/07/2009	Nữ			
2	800100	8C	TRẦN MẠNH	HÀ	23/09/2009	Nam			
3	800101	8B	NGUYỄN HUY	HẢI	10/02/2009	Nam			
4	800102	8C	TRẦN MẠNH	HẢI	23/09/2009	Nam			
5	800103	8E	LỤC NGỌC	HÂN	19/10/2009	Nữ			
6	800104	8I	VŨ NGỌC BẢO	HÂN	13/03/2009	Nữ			
7	800105	8B	NGUYỄN THU	HẰNG	31/12/2009	Nữ			
8	800106	8H	LÊ MINH	HẠNH	05/10/2009	Nữ			
9	800107	8E	NGUYỄN T MINH	HẠNH	23/12/2009	Nữ			
10	800108	8I	PHAN THU	HIỀN	12/01/2009	Nữ			
11	800109	8G	CHỬ ĐỨC	HIẾU	23/09/2009	Nam			
12	800110	8I	CHỬ TRUNG	HIẾU	24/11/2009	Nam			
13	800111	8D	ĐÀO TRỌNG	HIẾU	27/09/2009	Nam			
14	800112	8E	NGUYỄN MINH	HIẾU	05/09/2009	Nam			
15	800113	8A	NGUYỄN QUANG	HIẾU	13/12/2009	Nam			
16	800114	8H	NGUYỄN VI THẢO	HIẾU	12/12/2009	Nữ			
17	800115	8C	NGUYỄN XUÂN	HÒA	15/03/2009	Nữ			
18	800116	8D	TRẦN THỊ THU	HOÀI	10/07/2009	Nữ			
19	800117	8B	BÙI LÊ	HOÀNG	15/06/2009	Nam			
20	800118	8H	NGUYỄN GIA	HOÀNG	27/09/2009	Nữ			
21	800119	8H	NGUYỄN MINH	HOÀNG	09/07/2009	Nam			
22	800120	8B	PHẠM MẠNH	HÙNG	28/12/2008	Nam			
23	800121	8D	NGUYỄN ĐỨC GIA	HƯNG	21/08/2009	Nam			
24	800122	8E	NGUYỄN GIA	HƯNG	31/07/2009	Nam			
25	800123	8E	NGUYỄN MẠNH	HƯNG	05/10/2009	Nam			

Số HS vắng mặt: .....Gồm SBD: .....

Tổng số bài thi: ..... Tổng số tờ : .....

Tứ Hiệp, ngày tháng năm 2023

Giám thị số 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị số 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG GD & ĐT THANH TRÌ

TRƯỜNG THCS TỨ HIỆP

KỲ THI GIỮA KỲ 2 KHỐI 8 - PHÒNG THI SỐ 6

Môn thi: …… ***Ngày thi:*** ……

STT	Số Báo danh	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ mã đề	Chữ ký	Ghi chú
1	800124	8G	TRƯƠNG THU	HƯỜNG	09/10/2009	Nữ			
2	800125	8D	ĐẶNG ĐỨC	HUY	06/01/2009	Nam			
3	800126	8D	LỤC QUANG	HUY	29/03/2009	Nam			
4	800127	8C	NGUYỄN ĐỨC	HUY	08/05/2009	Nam			
5	800128	8B	PHẠM GIA	HUY	28/09/2009	Nam			
6	800129	8E	PHẠM GIA	HUY	14/09/2009	Nam			
7	800130	8B	PHẠM QUANG	HUY	04/03/2009	Nam			
8	800131	8E	PHAN GIA	HUY	05/10/2009	Nam			
9	800132	8E	TRẦN ĐÀO MINH	HUY	26/07/2009	Nam			
10	800133	8G	ĐỖ KHÁNH	HUYỀN	04/08/2009	Nữ			
11	800134	8H	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	10/08/2009	Nữ			
12	800135	8I	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	03/02/2009	Nữ			
13	800136	8E	NGUYỄN THU	HUYỀN	20/03/2009	Nữ			
14	800137	8E	QUÁN THU	HUYỀN	06/10/2009	Nữ			
15	800138	8H	CHU	KHANG	26/10/2009	Nam			
16	800139	8E	PHẠM TUẤN	KHANG	28/04/2009	Nam			
17	800140	8A	CHỬ NGỌC	KHÁNH	07/04/2009	Nữ			
18	800141	8B	LÊ AN	KHÁNH	05/02/2009	Nam			
19	800142	8B	NGUYỄN GIA	KHÁNH	29/09/2009	Nam			
20	800143	8A	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	02/09/2009	Nam			
21	800144	8H	TRỊNH DANH	KHÁNH	13/08/2009	Nam			
22	800145	8H	TRƯƠNG GIA	KHÁNH	16/11/2009	Nam			
23	800146	8D	LỤC ĐỨC	KHIÊM	06/02/2009	Nam			
24	800147	8I	TRƯƠNG VĨNH	KHIÊM	07/08/2009	Nam			
25	800148	8E	LỤC KIẾN	KHOA	10/10/2009	Nam			

Số HS vắng mặt: .....Gồm SBD: .....

Tổng số bài thi: ..... Tổng số tờ : .....

Tứ Hiệp, ngày tháng năm 2023

Giám thị số 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị số 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG GD & ĐT THANH TRÌ

TRƯỜNG THCS TỨ HIỆP

KỲ THI GIỮA KỲ 2 KHỐI 8 - PHÒNG THI SỐ 7

Môn thi: …… ***Ngày thi:*** ……

STT	Số Báo danh	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ mã đề	Chữ ký	Ghi chú
1	800149	8G	PHẠM ANH	KHOA	10/03/2009	Nam			
2	800150	8C	CHU MINH	KIÊN	05/01/2009	Nam			
3	800151	8E	NG HỮU TRUNG	KIÊN	30/05/2009	Nam			
4	800152	8H	PHÙNG ĐẠI	KIỆT	23/09/2009	Nam			
5	800153	8I	TRẦN BẢO	LAM	03/08/2009	Nữ			
6	800154	8E	HOÀNG TÙNG	LÂM	13/03/2009	Nam			
7	800155	8E	MAI CHI	LÂM	10/06/2009	Nữ			
8	800156	8A	PHẠM TRẦN KIM	LIÊN	22/06/2009	Nữ			
9	800157	8H	ĐINH MẠNH	LINH	28/03/2009	Nam			
10	800158	8B	ĐINH THÙY	LINH	15/07/2009	Nữ			
11	800159	8B	HÀN THỊ THÙY	LINH	09/04/2009	Nữ			
12	800160	8C	HOÀNG KHÁNH	LINH	03/12/2009	Nữ			
13	800161	8D	LÊ PHƯƠNG	LINH	27/10/2009	Nữ			
14	800162	8I	NGUYỄN THÙY	LINH	06/01/2009	Nữ			
15	800163	8D	NGUYỄN TRÚC	LINH	04/08/2009	Nữ			
16	800164	8A	TRẦN ĐĂNG	LINH	21/03/2008	Nam			
17	800165	8I	TRƯƠNG GIA	LINH	12/11/2009	Nữ			
18	800166	8C	VŨ ĐẶNG HÀ	LINH	27/10/2009	Nữ			
19	800167	8C	BÙI CHÂU	LONG	29/11/2009	Nam			
20	800168	8E	DƯƠNG THÀNH	LONG	25/08/2009	Nam			
21	800169	8H	NGUYỄN MINH	LONG	25/05/2009	Nam			
22	800170	8E	TRẦN BẢO	LONG	01/01/2009	Nam			
23	800171	8G	LÊ PHƯƠNG	LY	29/11/2009	Nữ			
24	800172	8E	PHẠM DIỆU	LY	30/06/2009	Nữ			
25	800173	8A	ĐẶNG THỊ HIỀN	MAI	08/12/2009	Nữ			

Số HS vắng mặt: .....Gồm SBD: .....

Tổng số bài thi: ..... Tổng số tờ : .....

Tứ Hiệp, ngày tháng năm 2023

Giám thị số 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị số 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG GD & ĐT THANH TRÌ

TRƯỜNG THCS TỨ HIỆP

KỲ THI GIỮA KỲ 2 KHỐI 8 - PHÒNG THI SỐ 8

Môn thi: …… ***Ngày thi:*** ……

STT	Số Báo danh	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ mã đề	Chữ ký	Ghi chú
1	800174	8D	LÊ THỊ PHƯƠNG	MAI	10/10/2009	Nữ			
2	800175	8C	NGUYỄN PHƯƠNG	MAI	06/12/2009	Nữ			
3	800176	8A	NGUYỄN THANH	MAI	20/07/2009	Nữ			
4	800177	8D	TỐNG NGỌC	MAI	19/07/2009	Nữ			
5	800178	8A	VŨ THỊ TUYẾT	MAI	21/03/2009	Nữ			
6	800179	8H	NGUYỄN VĂN	MẠNH	07/06/2009	Nam			
7	800180	8E	ĐOÀN TIẾN	MINH	27/07/2009	Nam			
8	800181	8D	HOÀNG GIA	MINH	12/07/2009	Nam			
9	800182	8D	LƯƠNG HẢI	MINH	03/07/2009	Nam			
10	800183	8G	NGUYỄN ANH	MINH	28/12/2009	Nam			
11	800184	8C	NGUYỄN HỒNG	MINH	11/11/2009	Nữ			
12	800185	8C	NGUYỄN NHẬT	MINH	12/12/2009	Nam			
13	800186	8D	NGUYỄN QUANG	MINH	25/10/2009	Nam			
14	800187	8G	NGUYỄN QUANG	MINH	14/07/2009	Nam			
15	800188	8H	NGUYỄN QUANG	MINH	01/02/2009	Nam			
16	800189	8G	NGUYỄN TIẾN	MINH	04/06/2009	Nam			
17	800190	8I	TỐNG TUỆ	MINH	24/02/2009	Nữ			
18	800191	8A	VŨ QUANG	MINH	14/08/2009	Nam			
19	800192	8B	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	30/06/2009	Nữ			
20	800193	8H	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	29/08/2009	Nữ			
21	800194	8H	NGUYỄN TRÀ	MY	07/12/2009	Nữ			
22	800195	8I	TRƯƠNG KIỀU	MY	24/02/2009	Nữ			
23	800196	8H	LÊ HOÀNG	NAM	01/11/2009	Nam			
24	800197	8B	NGUYỄN BẢO	NAM	29/09/2009	Nam			
25	800198	8G	PHẠM BẢO	NAM	20/04/2009	Nam			

Số HS vắng mặt: .....Gồm SBD: .....

Tổng số bài thi: ..... Tổng số tờ : .....

Tứ Hiệp, ngày tháng năm 2023

Giám thị số 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị số 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG GD & ĐT THANH TRÌ

TRƯỜNG THCS TỨ HIỆP

KỲ THI GIỮA KỲ 2 KHỐI 8 - PHÒNG THI SỐ 9

Môn thi: …… ***Ngày thi:*** ……

STT	Số Báo danh	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ mã đề	Chữ ký	Ghi chú
1	800199	8H	PHẠM ĐỖ HOÀNG	NAM	26/02/2009	Nam			
2	800200	8I	PHẠM HẢI	NAM	10/01/2009	Nam			
3	800201	8G	ĐOÀN QUỲNH	NGA	06/08/2009	Nữ			
4	800202	8I	PHẠM QUỲNH	NGA	22/03/2009	Nữ			
5	800203	8I	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	30/01/2009	Nữ			
6	800204	8G	QUÁN THỊ MỸ	NGÂN	10/09/2009	Nữ			
7	800205	8A	NGUYỄN MINH	NGHĨA	19/12/2009	Nam			
8	800206	8B	TRẦN MINH	NGHĨA	25/06/2009	Nam			
9	800207	8A	ĐINH HỒNG	NGỌC	23/10/2009	Nữ			
10	800208	8D	ĐỖ TRỊNH MINH	NGỌC	07/07/2009	Nữ			
11	800209	8I	LÊ MINH	NGỌC	22/08/2009	Nữ			
12	800210	8D	NGUYỄN BẢO	NGỌC	09/05/2009	Nữ			
13	800211	8I	NGUYỄN BẢO	NGỌC	18/10/2009	Nữ			
14	800212	8A	PHẠM KHÁNH BẢO	NGỌC	25/06/2009	Nữ			
15	800213	8D	PHẠM MINH	NGỌC	05/09/2009	Nữ			
16	800214	8E	THIỀU BÍCH	NGỌC	21/02/2009	Nữ			
17	800215	8D	HOÀNG NHẬT	NGUYÊN	23/01/2008	Nữ			
18	800216	8C	TRẦN ĐỨC	NGUYÊN	02/04/2009	Nam			
19	800217	8C	LƯU THỊ MINH	NGUYỆT	16/12/2009	Nữ			
20	800218	8I	NGUYỄN MINH	NGUYỆT	10/12/2009	Nữ			
21	800219	8C	PHẠM YẾN	NHI	01/01/2009	Nữ			
22	800220	8G	NGUYỄN HỒNG	NHUNG	23/06/2009	Nữ			
23	800221	8H	ĐỖ PHAN TẤN	PHÁT	11/03/2009	Nam			
24	800222	8C	NGUYỄN ĐÌNH	PHONG	13/02/2009	Nam			
25	800223	8C	NGUYỄN NGỌC NAM	PHONG	24/10/2009	Nam			

Số HS vắng mặt: .....Gồm SBD: .....

Tổng số bài thi: ..... Tổng số tờ : .....

Tứ Hiệp, ngày tháng năm 2023

Giám thị số 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị số 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG GD & ĐT THANH TRÌ

TRƯỜNG THCS TỨ HIỆP

KỲ THI GIỮA KỲ 2 KHỐI 8 - PHÒNG THI SỐ 10

Môn thi: …… ***Ngày thi:*** ……

STT	Số Báo danh	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ mã đề	Chữ ký	Ghi chú
1	800224	8H	NGUYỄN TUẤN	PHONG	31/07/2009	Nam			
2	800225	8A	TRỊNH THANH	PHONG	23/08/2009	Nam			
3	800226	8A	NGÔ GIA	PHÚ	14/11/2009	Nam			
4	800227	8C	NGUYỄN BÁ GIA	PHÚ	14/07/2009	Nam			
5	800228	8G	CAO HỒNG	PHÚC	14/05/2009	Nam			
6	800229	8A	ĐẬU XUÂN	PHÚC	24/01/2009	Nam			
7	800230	8H	NGUYỄN THÀNH	PHÚC	18/12/2009	Nam			
8	800231	8A	TRƯƠNG MINH	PHÚC	12/11/2009	Nam			
9	800232	8B	ĐẶNG MINH	PHƯƠNG	24/12/2009	Nữ			
10	800233	8D	NGUYỄN THU	PHƯƠNG	16/10/2009	Nữ			
11	800234	8I	VŨ VIỆT	PHƯƠNG	10/12/2009	Nam			
12	800235	8I	NGUYỄN ANH	QUÂN	12/03/2009	Nam			
13	800236	8E	NGUYỄN ĐỨC	QUÂN	12/01/2009	Nam			
14	800237	8I	TRƯƠNG ANH	QUÂN	24/02/2009	Nam			
15	800238	8D	TRƯƠNG MINH	QUÂN	04/04/2009	Nam			
16	800239	8E	TRƯƠNG MINH	QUÂN	16/04/2009	Nam			
17	800240	8E	NGUYỄN HỒNG	QUANG	06/01/2009	Nam			
18	800241	8H	PHẠM VŨ	QUANG	13/01/2009	Nam			
19	800242	8A	TRỊNH PHÚ	QUỐC	14/05/2009	Nam			
20	800243	8B	ĐÀO NHƯ	QUỲNH	29/12/2009	Nữ			
21	800244	8H	ĐỖ ĐÌNH	SƠN	29/08/2009	Nam			
22	800245	8I	ĐỖ HỒNG	SƠN	18/08/2009	Nam			
23	800246	8B	NGUYỄN CÔNG	SƠN	08/05/2009	Nam			
24	800247	8B	NHỮ HOÀNG CAO	SƠN	10/03/2009	Nam			
25	800248	8C	PHẠM THÁI	SƠN	31/03/2009	Nam			

Số HS vắng mặt: .....Gồm SBD: .....

Tổng số bài thi: ..... Tổng số tờ : .....

Tứ Hiệp, ngày tháng năm 2023

Giám thị số 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị số 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG GD & ĐT THANH TRÌ

TRƯỜNG THCS TỨ HIỆP

KỲ THI GIỮA KỲ 2 KHỐI 8 - PHÒNG THI SỐ 11

Môn thi: …… ***Ngày thi:*** ……

STT	Số Báo danh	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ mã đề	Chữ ký	Ghi chú
1	800249	8D	PHẠM VŨ HỒNG	SƠN	11/11/2009	Nam			
2	800250	8G	TỐNG KIM	TÀI	04/08/2009	Nam			
3	800251	8C	NGUYỄN THANH	TÂM	07/07/2009	Nữ			
4	800252	8H	TRƯƠNG VŨ TRÍ	TÂM	21/10/2009	Nam			
5	800253	8B	VŨ NGUYỄN BĂNG	TÂM	20/07/2009	Nữ			
6	800254	8B	PHẠM ĐINH NAM	THẮNG	05/08/2009	Nam			
7	800255	8G	TRẦN VĂN	THẮNG	02/08/2009	Nam			
8	800256	8B	TRƯƠNG QUANG	THẮNG	03/04/2009	Nam			
9	800257	8H	NGÔ TRUNG	THÀNH	20/07/2009	Nam			
10	800258	8B	NGUYỄN KIM	THÀNH	03/08/2009	Nam			
11	800259	8A	NGUYỄN HƯƠNG	THẢO	25/06/2009	Nữ			
12	800260	8H	NGUYỄN THU	THẢO	02/11/2009	Nữ			
13	800261	8B	TRẦN VĂN	THẢO	18/07/2009	Nam			
14	800262	8H	TRỊNH PHƯƠNG	THẢO	20/01/2009	Nữ			
15	800263	8C	VŨ THỊ PHƯƠNG	THẢO	09/11/2009	Nữ			
16	800264	8D	NGUYỄN TRÍ	THIỆN	14/12/2009	Nam			
17	800265	8A	NGUYỄN ĐỨC	THỊNH	08/08/2009	Nam			
18	800266	8E	NGUYỄN PHÚ	THỊNH	10/08/2009	Nam			
19	800267	8D	LÊ MINH	THƯ	15/11/2009	Nữ			
20	800268	8B	NGUYỄN ANH	THƯ	04/12/2009	Nữ			
21	800269	8G	NGUYỄN ANH	THƯ	31/07/2009	Nữ			
22	800270	8H	NGUYỄN ANH	THƯ	02/09/2009	Nữ			
23	800271	8H	NGUYỄN THANH	THƯ	08/05/2009	Nữ			
24	800272	8I	PHẠM MINH	THƯ	23/10/2009	Nữ			
25	800273	8D	THÁI PHẠM ANH	THƯ	23/10/2009	Nữ			

Số HS vắng mặt: .....Gồm SBD: .....

Tổng số bài thi: ..... Tổng số tờ : .....

Tứ Hiệp, ngày tháng năm 2023

Giám thị số 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị số 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG GD & ĐT THANH TRÌ

TRƯỜNG THCS TỨ HIỆP

KỲ THI GIỮA KỲ 2 KHỐI 8 - PHÒNG THI SỐ 12

Môn thi: …… ***Ngày thi:*** ……

STT	Số Báo danh	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ mã đề	Chữ ký	Ghi chú
1	800274	8B	TRẦN ANH	THƯ	20/02/2009	Nữ			
2	800275	8I	TRẦN ANH	THƯ	25/08/2009	Nữ			
3	800276	8B	VŨ THỊ MINH	THƯ	01/01/2009	Nữ			
4	800277	8G	LÂM NGUYỄN VĂN	THUẬN	07/05/2009	Nam			
5	800278	8A	NGUYỄN MINH	THUẬN	04/10/2009	Nam			
6	800279	8A	NGUYỄN THANH	THÚY	20/07/2009	Nữ			
7	800280	8C	CHỬ PHƯƠNG	THÙY	30/12/2009	Nữ			
8	800281	8A	LỤC THANH	THỦY	23/12/2009	Nữ			
9	800282	8E	NGUYỄN BÍCH	THỦY	17/01/2009	Nữ			
10	800283	8E	NGUYỄN MINH	TIẾN	07/10/2009	Nam			
11	800284	8H	NGUYỄN BÙI NGỌC	TRÂM	09/11/2009	Nữ			
12	800285	8C	ĐỖ THU	TRANG	19/03/2009	Nữ			
13	800286	8I	LỤC THÙY	TRANG	09/09/2009	Nữ			
14	800287	8I	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	04/11/2009	Nữ			
15	800288	8B	NGUYỄN MAI	TRANG	09/10/2009	Nữ			
16	800289	8A	PHẠM HỒNG HẠNH	TRANG	17/03/2009	Nữ			
17	800290	8A	VŨ QUỲNH	TRANG	26/04/2009	Nữ			
18	800291	8E	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	25/09/2009	Nam			
19	800292	8B	TRẦN VŨ ĐỨC	TRUNG	30/04/2009	Nam			
20	800293	8D	VŨ QUỐC	TRUNG	21/01/2009	Nam			
21	800294	8G	VŨ VƯƠNG CẨM	TÚ	17/01/2009	Nữ			
22	800295	8H	BÙI ANH	TUẤN	02/05/2009	Nam			
23	800296	8G	NGUYỄN ANH MINH	TUẤN	27/08/2009	Nam			
24	800297	8A	NGUYỄN MINH	TUẤN	08/07/2009	Nam			
25	800298	8D	NGUYỄN GIA	TUỆ	18/04/2009	Nữ			

Số HS vắng mặt: .....Gồm SBD: .....

Tổng số bài thi: ..... Tổng số tờ : .....

Tứ Hiệp, ngày tháng năm 2023

Giám thị số 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị số 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG GD & ĐT THANH TRÌ

TRƯỜNG THCS TỨ HIỆP

KỲ THI GIỮA KỲ 2 KHỐI 8 - PHÒNG THI SỐ 13

Môn thi: …… ***Ngày thi:*** ……

STT	Số Báo danh	Lớp	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số tờ/ mã đề	Chữ ký	Ghi chú
1	800299	8I	NGUYỄN MINH	TUỆ	04/09/2009	Nữ			
2	800300	8A	NGUYỄN NHẬT	TUỆ	09/05/2009	Nam			
3	800301	8I	TRẦN MINH	TUỆ	12/08/2009	Nam			
4	800302	8B	HOÀNG THANH	TÙNG	26/06/2009	Nam			
5	800303	8D	NG HỮU HOÀNG	TÙNG	29/09/2009	Nam			
6	800304	8B	TÔ TRƯỜNG THANH	TÙNG	12/01/2009	Nam			
7	800305	8G	TRẦN ĐÌNH	TÙNG	08/10/2009	Nam			
8	800306	8H	TRẦN THANH	TÙNG	28/11/2009	Nam			
9	800307	8I	TRƯƠNG NHẬT	TÙNG	06/01/2009	Nam			
10	800308	8G	MAI THU	UYÊN	28/08/2009	Nữ			
11	800309	8E	NGUYỄN TỐ	UYÊN	05/12/2009	Nữ			
12	800310	8G	ĐINH THỊ YẾN	VI	19/10/2009	Nữ			
13	800311	8H	KHUẤT ĐĂNG	VINH	12/06/2009	Nam			
14	800312	8C	NGUYỄN ĐĂNG	VINH	09/01/2009	Nam			
15	800313	8D	NGUYỄN QUANG	VINH	25/02/2009	Nam			
16	800314	8H	NGUYỄN XUÂN	VŨ	06/10/2009	Nam			
17	800315	8B	NGUYỄN ĐỨC	VƯỢNG	26/10/2009	Nam			
18	800316	8G	ĐINH KIM YẾN	VY	25/01/2009	Nữ			
19	800317	8I	LÃ TRIỆU	VY	26/11/2009	Nữ			
20	800318	8I	NGUYỄN HÀ	VY	02/07/2009	Nữ			
21	800319	8I	NGUYỄN TRẦN HÀ	VY	25/08/2009	Nữ			
22	800320	8I	CHỬ ANH	XUÂN	01/05/2009	Nữ			
23	800321	8G	NGUYỄN BẢO	YẾN	02/12/2009	Nữ			
24	800322	8E	NGUYỄN HẢI	YẾN	01/02/2009	Nữ			
25	800323	8G	NGUYỄN KIM	YẾN	22/04/2009	Nữ			

Số HS vắng mặt: .....Gồm SBD: .....

Tổng số bài thi: ..... Tổng số tờ : .....

Tứ Hiệp, ngày tháng năm 2023

Giám thị số 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị số 2
(Ký và ghi rõ họ tên)